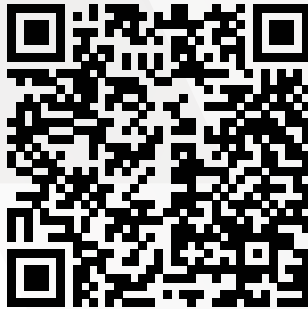


BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU Á-CHÂU PHI
(Nhiều tác giả)



HƯỚNG DẪN DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT THỰC PHẨM ĐÁP ỨNG CÁC QUY ĐỊNH MỚI CỦA THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

HƯỚNG DẪN

**DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT THỰC PHẨM
ĐÁP ỨNG CÁC QUY ĐỊNH MỚI CỦA
THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC**

 **NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI**




Implemented by




**Deutsche Gesellschaft für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ)**


Dự án Hỗ trợ Hợp tác kinh tế khu vực
Châu Á (SRECA) – Khu vực ASEAN

Văn phòng tại Việt Nam:

 L2-A Làng hoa Thụy Khuê,
Số 14 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê,
Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội


 0084-24-3237-3639


 sreca@giz.de

 www.connecting-asia.org
www.giz.de/en/worldwide/34101.html

**Bộ Công Thương
Vụ Thị trường châu Á-châu Phi**

Trụ sở chính:

 Số 54 Hai Bà Trưng, Phường Trần
Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành
phố Hà Nội

 0084-24-2220-5428

 vap@moit.gov.vn

 moit.gov.vn

Nhóm tác giả:

Tô Ngọc Sơn
Nông Đức Lai
Đặng Thị Thanh Phương
Tạ Thị Bình An
Tô Vũ Lực
Nguyễn Thiện Quân

Tài liệu này do Vụ Thị trường châu Á-châu Phi, Bộ Công Thương chủ trì biên soạn và chịu trách nhiệm về nội dung với hỗ trợ kỹ thuật từ Dự án Hỗ trợ Hợp tác kinh tế khu vực Châu Á (SRECA), do Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) thực thi dưới sự tài trợ của Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển CHLB Đức (BMZ).

BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU Á-CHÂU PHI
(Nhiều tác giả)

HƯỚNG DẪN

DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT THỰC PHẨM ĐÁP ỨNG
CÁC QUY ĐỊNH MỚI CỦA THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

MỤC LỤC

PHẦN I: NỘI DUNG CHÍNH CỦA LỆNH SỐ 248 VÀ LỆNH SỐ 249.. 5

1. Lệnh số 248 về “Quy định về đăng ký và quản lý doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu nước ngoài”6
2. Lệnh số 249 về “Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu”7

PHẦN II: HƯỚNG DẪN CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT THỰC PHẨM XUẤT KHẨU VỚI TỔNG CỤC HẢI QUAN TRUNG QUỐC 11

1. Hướng dẫn cho doanh nghiệp sản xuất 18 loại thực phẩm thuộc nhóm rủi ro cao cần đăng ký qua cơ quan chủ quản của nước xuất khẩu..... 12
 - 1.1. *Doanh nghiệp sản xuất 04 loại thực phẩm* 12
 - 1.2. *Doanh nghiệp sản xuất 14 loại thực phẩm còn lại*..... 12
2. Hướng dẫn cho doanh nghiệp thuộc đối tượng tự đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung quốc..... 14
3. Thông báo kết quả và việc thay đổi thông tin đăng ký đối với doanh nghiệp sản xuất thực phẩm 24
 - 3.1. *Thông báo kết quả*..... 24
 - 3.2. *Hiệu lực đăng ký doanh nghiệp* 24
 - 3.3. *Thay đổi thông tin hồ sơ đăng ký doanh nghiệp* 25
 - 3.4. *Trách nhiệm của doanh nghiệp* 25
4. Hướng dẫn đăng ký đối với doanh nghiệp thương mại 26

PHẦN III: MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI ĐỐI VỚI THỰC PHẨM NHẬP KHẨU.....27

1. Quy định kiểm tra, đánh giá của Tổng cục Hải quan Trung Quốc 28

2. Quy định về đóng gói, ghi nhãn 28

 2.1. Đối với sản phẩm thịt tươi sống và đông lạnh..... 28

 2.2. Đối với các sản phẩm thủy sản 29

 2.3. Đối với thực phẩm chức năng và thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt .. 29

3. Thực phẩm sản xuất bằng nguyên liệu thực phẩm mới 29

4. Quy trình kiểm tra tại chỗ đối với thực phẩm nhập khẩu 30

PHỤ LỤC33

Phụ lục 1: Mô tả 18 loại thực phẩm thuộc nhóm rủi ro cao do Tổng cục Hải quan Trung Quốc cung cấp..... 34

Phụ lục 2: Dự kiến mã HS các loại thực phẩm thuộc thẩm quyền phụ trách của Bộ Công Thương 38



PHẦN I:
**NỘI DUNG CHÍNH CỦA
LỆNH SỐ 248 VÀ LỆNH SỐ 249**



Tổng cục Hải quan Trung Quốc ban hành Lệnh số 248 “Quy định về đăng ký và quản lý doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu nước ngoài” và Lệnh số 249 về “Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu”. Các văn bản này sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

1. Lệnh số 248 về “Quy định về đăng ký và quản lý doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu nước ngoài”

Lệnh số 248 về “Quy định về đăng ký và quản lý doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu nước ngoài” (sau đây gọi tắt là Lệnh số 248) được xây dựng trên cơ sở “Quy định về đăng ký và quản lý doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu” năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2018 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc.

Những điểm mới của Lệnh số 248 gồm có:

- *Mở rộng phạm vi áp dụng quy định đăng ký doanh nghiệp:* quy định mới yêu cầu **toàn bộ doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu** vào thị trường Trung Quốc phải thực hiện đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc thay vì có doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng nằm trong diện “Danh mục cần đăng ký” phải thực hiện đăng ký như trước đây.

- *Phân loại doanh nghiệp theo mức độ rủi ro:*

+ **Nhóm 1:** bao gồm doanh nghiệp sản xuất 18 loại thực phẩm xuất khẩu: thịt và các sản phẩm từ thịt; sản phẩm thủy sản; sản phẩm từ sữa; yến sào và sản phẩm từ tổ yến; ruột động vật (dùng làm vỏ xúc xích); sản phẩm từ ong; trứng và các sản phẩm từ trứng¹; dầu thực phẩm và nguyên liệu²; bánh có nhân các loại³; ngũ cốc dùng làm thực phẩm; sản phẩm bột ngũ cốc và mạch nha; các loại rau tươi, rau tách nước (rau khô, rau sấy) và đậu khô; gia vị nguồn gốc tự nhiên; quả hạch và các loại hạt; trái cây sấy khô; hạt cà phê và ca cao chưa rang; thực phẩm ăn kiêng đặc biệt; thực phẩm chức năng. Nhóm này sẽ đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc qua cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

¹ Giải thích chi tiết tại Mục 3, Phụ lục 1.

² Giải thích chi tiết tại Mục 4, Phụ lục 1.

³ Giải thích chi tiết tại Mục 5, Phụ lục 1.

+ **Nhóm 2:** bao gồm doanh nghiệp sản xuất các loại thực phẩm xuất khẩu không nằm trong quy định của Điều 7 của Lệnh số 248. Doanh nghiệp nước xuất khẩu thực phẩm trong nhóm này có thể **tự nộp hồ sơ đăng ký** hoặc **ủy quyền cho đại lý nhập khẩu** thực hiện đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc.

- *Sửa đổi và mở rộng các điều kiện đăng ký đối với doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu của nước ngoài:* Bổ sung điều kiện đăng ký của doanh nghiệp là “Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của quốc gia (khu vực) nơi doanh nghiệp sản xuất đặt trụ sở đã được Tổng cục Hải quan Trung Quốc xét duyệt hoặc đánh giá tương đương”.

- *Kéo dài thêm thời hạn hiệu lực của đăng ký doanh nghiệp:* thời hạn có hiệu lực của đăng ký doanh nghiệp sẽ là 05 năm thay vì 04 năm như quy định tại Lệnh số 145 trước đây.

2. Lệnh số 249 về “Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu”

Lệnh số 249 về “Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu” (sau đây gọi tắt là Lệnh số 249) bao gồm 06 chương, 79 điều, quy định các yêu cầu cụ thể đối với việc giám sát, quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu của Trung Quốc, các biện pháp giám sát, trách nhiệm pháp lý.

Lệnh 249 được xây dựng và kế thừa từ “Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu” được ban hành từ năm 2011 và sửa đổi, bổ sung năm 2016 và năm 2018. Trong đó, Lệnh số 249 đã bổ sung thêm 15 điều so với các quy định trước đây. Lệnh 249 sẽ thay thế một loạt các quy định trước đây của Tổng cục Hải quan Trung Quốc và các cơ quan tiền thân, bao gồm:

- (i) Lệnh số 20 ngày 22 tháng 02 năm 2000 của Tổng cục Kiểm nghiệm, Kiểm dịch, Giám sát Chất lượng Quốc gia (AQSIQ); và số 238 ngày 28 tháng 04 năm 2018 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc sửa đổi về “Biện pháp quản lý kiểm tra và kiểm dịch mật ong xuất khẩu”;
- (ii) Lệnh số 135 ngày 04 tháng 01 năm 2011 của AQSIQ và Lệnh số 243 ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc sửa đổi về “Biện pháp quản lý và giám sát, kiểm tra kiểm dịch thủy sản xuất nhập khẩu”;

- (iii) Lệnh số 136 ngày 04 tháng 01 năm 2011 của AQSIQ và Lệnh số 243 ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc sửa đổi về “Biện pháp quản lý giám sát, kiểm tra kiểm dịch đối với thịt xuất nhập khẩu”;
- (iv) Lệnh số 152 ngày 24 tháng 01 năm 2013 của AQSIQ và Lệnh số 243 ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc sửa đổi về “Biện pháp quản lý và giám sát, kiểm tra kiểm dịch sữa xuất nhập khẩu”.

Những điểm mới của Lệnh số 249 gồm có:

- *Yêu cầu đánh giá sự phù hợp:* Theo đó, Tổng cục Hải quan Trung Quốc thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với thực phẩm nhập khẩu theo quy định của pháp luật liên quan và các quy định hành chính về kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Trung Quốc. Hoạt động đánh giá sẽ bao gồm: Đánh giá, rà soát hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của các quốc gia (khu vực) xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc; Đăng ký doanh nghiệp sản xuất nước ngoài, bảo đảm hồ sơ nhà xuất nhập khẩu hợp lệ; Phê duyệt kiểm dịch động thực vật nhập cảnh; Kiểm tra các chứng chỉ năng lực kèm theo, xem xét tài liệu, kiểm tra tại chỗ, giám sát và kiểm tra ngẫu nhiên, kiểm tra hồ sơ nhật ký nhập khẩu, bán hàng và nhiều hạng mục khác.

- *Đưa ra phương pháp đánh giá, thẩm tra mới:* Theo đó, Trung Quốc lần đầu tiên chấp nhận phương thức đánh giá trực tuyến kết hợp với các phương thức đánh giá truyền thống trước đây như đánh giá hồ sơ, đánh giá thực địa.

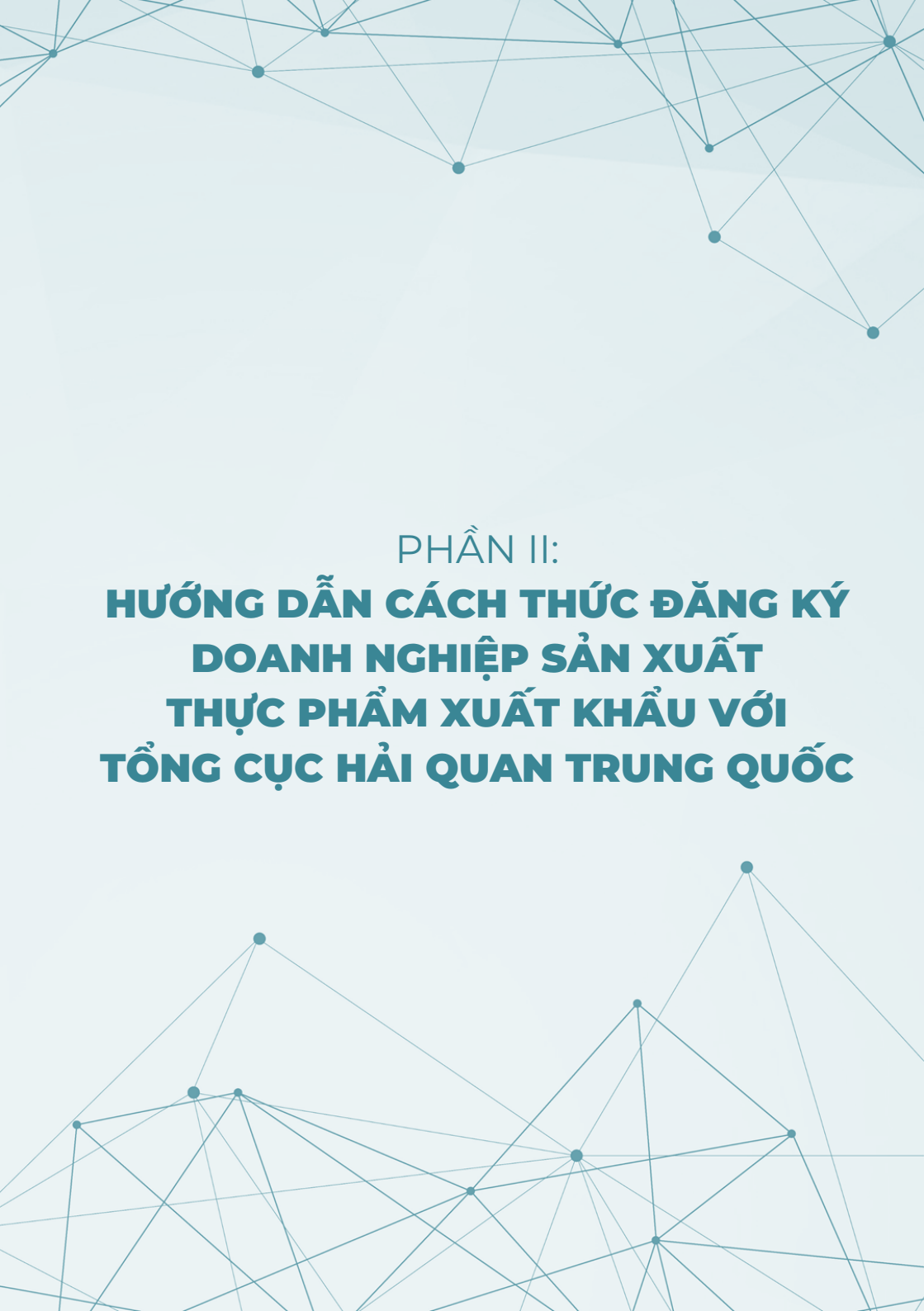
- *Đưa ra nguyên tắc quản lý nhập khẩu đối với các loại thực phẩm chưa có tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc và thực phẩm được sản xuất bằng nguyên liệu thực phẩm mới:* Theo đó, thực phẩm nhập khẩu thuộc loại chưa có tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm sẽ phải tuân thủ tiêu chuẩn tạm thời do Cơ quan quản lý Y tế Quốc vụ viện (Chính phủ) Trung Quốc ban hành có liên quan. Thực phẩm được sản xuất bằng nguyên liệu thực phẩm mới cũng phải có giấy phép quản lý y tế về nguyên liệu thực phẩm mới của cơ quan nêu trên. Vì vậy, doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ về tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc và thành phần của các loại thực phẩm trước khi xuất khẩu sang Trung Quốc.

- *Thay đổi về yêu cầu ghi nhãn:* Theo đó, khái niệm “Thực phẩm nhập khẩu đóng gói sẵn” của các quy định năm 2018 được đổi thành “Thực phẩm nhập

khẩu”; đồng thời có sự bổ sung một loạt các yêu cầu về nội dung bao bì, nhãn mác đối với sản phẩm thịt tươi sống, đông lạnh và thủy sản nhập khẩu. Ngoài ra, nhãn mác thực phẩm chức năng và thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt phải được **in trên bao bì** nhỏ nhất, thay vì dán nhãn như trước đây.

- *Cơ sở sản xuất thực phẩm xuất nhập khẩu phải chịu trách nhiệm về an toàn của thực phẩm xuất nhập khẩu do mình sản xuất và kinh doanh, cụ thể: Cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu tham gia vào các hoạt động sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu phải phù hợp với các hiệp ước và hiệp định quốc tế mà Trung Quốc đã ký kết hoặc tham gia, luật pháp và quy định của Trung Quốc và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia, tiếp nhận giám sát và quản lý theo pháp luật, bảo đảm an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu, chịu trách nhiệm trước xã hội và nhân dân.*





PHẦN II:
**HƯỚNG DẪN CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ
DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT
THỰC PHẨM XUẤT KHẨU VỚI
TỔNG CỤC HẢI QUAN TRUNG QUỐC**

1. Hướng dẫn cho doanh nghiệp sản xuất 18 loại thực phẩm thuộc nhóm rủi ro cao cần đăng ký qua cơ quan chủ quản của nước xuất khẩu

Các doanh nghiệp sản xuất 18 loại thực phẩm thuộc Nhóm rủi ro cao được chia thành hai nhóm: (1) Các doanh nghiệp sản xuất 04 loại thực phẩm (gồm thịt và sản phẩm chế biến từ thịt; thủy sản; sữa và các sản phẩm từ sữa; tổ yến và sản phẩm từ tổ yến), và (2) Các doanh nghiệp sản xuất 14 loại thực phẩm còn lại (bao gồm: ruột động vật (dùng làm vỏ xúc xích); sản phẩm từ ong; trứng và các sản phẩm từ trứng; dầu thực phẩm và nguyên liệu; bánh có nhân các loại; ngũ cốc dùng làm thực phẩm; sản phẩm bột ngũ cốc và mạch nha; các loại rau tươi, rau tách nước (rau khô, rau sấy) và đậu khô; gia vị nguồn gốc tự nhiên; quả hạch và các loại hạt; trái cây sấy khô; hạt cà phê và ca cao chưa rang; thực phẩm ăn kiêng đặc biệt; thực phẩm chức năng). Dưới đây là hướng dẫn cách thức đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu với Tổng cục Hải quan Trung Quốc:

1.1. Doanh nghiệp sản xuất 04 loại thực phẩm (gồm thịt và sản phẩm chế biến từ thịt; thủy sản; sữa và các sản phẩm từ sữa; tổ yến và sản phẩm từ tổ yến)

- Các doanh nghiệp đã đăng ký từ trước sẽ **tiếp tục được thực hiện hoạt động xuất khẩu sang Trung Quốc** (không cần tiến hành đăng ký lại thông qua cơ quan chủ quản nước xuất khẩu).
- Các doanh nghiệp lần đầu xuất khẩu đi Trung Quốc, Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ tiến hành đánh giá, thẩm tra hiện trạng an toàn thực phẩm và hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của nước (khu vực) đó để xác định yêu cầu kiểm nghiệm kiểm dịch tương ứng. Sau khi Tổng cục Hải quan Trung Quốc hoàn thành công đoạn này, cơ quan chủ quản của Việt Nam sẽ đề xuất danh mục các doanh nghiệp xuất khẩu 04 loại thực phẩm tới Tổng cục Hải quan Trung Quốc trước ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1.2. Doanh nghiệp sản xuất 14 loại thực phẩm còn lại

- **Đối với các doanh nghiệp đã từng xuất khẩu đi Trung Quốc từ năm 2017 đến nay:** Trước ngày 31 tháng 10 năm 2021, các doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký với cơ quan chủ quản Việt Nam để các cơ quan tổng hợp, cung cấp với Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Tổng cục Hải quan

Trung Quốc sẽ tiến hành thủ tục phê duyệt đăng ký nhanh đối với các doanh nghiệp trong danh sách đăng ký.

- **Đối với trường hợp doanh nghiệp chưa từng xuất khẩu sang Trung Quốc hoặc chưa đăng ký nhanh trước ngày 31 tháng 10 năm 2021 với cơ quan chủ quản của Việt Nam:** Từ ngày 01 tháng 11 năm 2021, việc đăng ký doanh nghiệp tiến hành theo yêu cầu tại Điều 8, Lệnh 248. Theo đó, doanh nghiệp Việt Nam cần phối hợp với cơ quan chủ quản của Việt Nam cung cấp cho Tổng cục Hải quan Trung Quốc bộ hồ sơ gồm:

- (1) Thư giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;
- (2) Danh sách doanh nghiệp và đơn đăng ký doanh nghiệp;
- (3) Văn bản chứng minh tư cách doanh nghiệp (giấy phép kinh doanh);
- (4) Công bố của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam giới thiệu đáp ứng các yêu cầu của quy định này;
- (5) Báo cáo thẩm tra của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam về việc kiểm tra, xét duyệt đối với doanh nghiệp có liên quan.

Sau khi xét duyệt hồ sơ của doanh nghiệp, cơ quan chủ quản của nước xuất khẩu sẽ tiến hành việc đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc theo các cách như sau:

- (i) Đăng ký qua tài khoản của cơ quan chủ quản trên website: <https://cifer.singlewindow.cn/> hoặc
- (ii) Theo phương thức đã được thống nhất tại thỏa thuận song phương khác với Tổng cục Hải quan Trung Quốc (nếu có) về tài liệu và phương thức đăng ký cho 18 loại thực phẩm trong danh mục đã nêu.

Lưu ý cho các doanh nghiệp chưa từng xuất khẩu:

- Nếu sản phẩm không thuộc trường hợp phải tiến hành thủ tục đàm phán mở cửa thị trường hoặc đã được phía Trung Quốc cấp phép mở cửa thị trường cho Việt Nam, doanh nghiệp sẽ tiến hành đăng ký với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, sau khi tiến hành các bước đánh giá và xét duyệt sẽ giới thiệu

đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm trên hệ thống được mở từ 01 tháng 11 năm 2021. Phía Trung Quốc sẽ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền tài khoản đăng nhập.

- Nếu sản phẩm phải tiến hành thủ tục đàm phán mở cửa thị trường và chưa được Tổng cục Hải quan Trung Quốc cấp phép mở cửa thị trường cho Việt Nam, việc đăng ký doanh nghiệp sẽ chỉ được thực hiện sau khi thủ tục đàm phán mở cửa thị trường đối với sản phẩm hoàn tất.
- Nếu doanh nghiệp đã được đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc nhưng chưa hoàn thiện đủ thông tin và hồ sơ kiểm tra, phê duyệt thì phải có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ quản của nước (khu vực) sở tại để cung cấp đủ các thông tin, tài liệu liên quan lên hệ thống “Ứng dụng quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu nước ngoài” tại website <https://cifer.singlewindow.cn/> trước ngày 30 tháng 6 năm 2023.

2. Hướng dẫn cho doanh nghiệp thuộc đối tượng tự đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc

Kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2021, các doanh nghiệp sản xuất không thuộc 18 loại thực phẩm nêu trên sẽ tự đăng ký thông qua “Ứng dụng quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu nước ngoài” trên hệ thống một cửa thương mại quốc tế tại website <https://cifer.singlewindow.cn/> theo quy định tại Lệnh 248. Cụ thể:

Doanh nghiệp thuộc đối tượng này có thể tự nộp hồ sơ đăng ký hoặc ủy thác cho đại lý nhập khẩu (Trung Quốc) thực hiện đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc.

Hồ sơ xin đăng ký bao gồm:

- (1) Đơn đăng ký doanh nghiệp;
- (2) Giấy tờ chứng minh tư cách của doanh nghiệp (giấy phép kinh doanh) do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở cấp;
- (3) Bản cam kết tuyên bố của doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của quy định này.

Chi tiết của đơn đăng ký doanh nghiệp như sau:

Nội dung:

- Tên doanh nghiệp
- Nơi đặt trụ sở, địa chỉ nơi sản xuất
- Người đại diện theo pháp luật
- Người liên hệ, thông tin liên hệ
- Số đăng ký được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chấp thuận
- Loại thực phẩm đăng ký
- Loại hình sản xuất
- Năng lực sản xuất

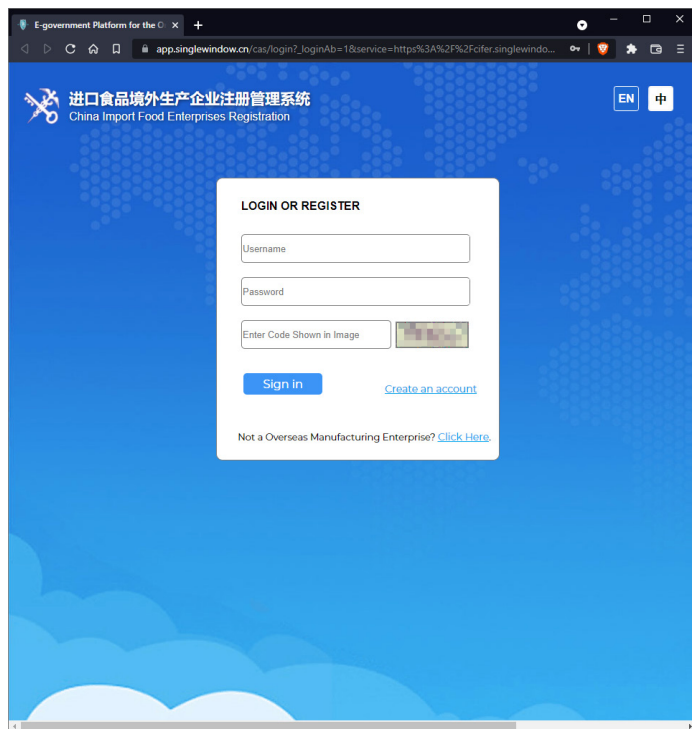
Ngôn ngữ:

Các tài liệu đăng ký sẽ được nộp bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh.

Quy trình tự đăng ký⁴ tại hệ thống một cửa thương mại quốc tế thông qua website <https://cifer.singlewindow.cn/> theo các bước ở trang kế tiếp.

⁴ Được xây dựng ngày 29 tháng 11 năm 2021.

Bước 1a: Đăng nhập vào hệ thống một cửa thương mại quốc tế



The screenshot shows a web browser window with the URL <https://app.singlewindow.cn/cas/login?loginAb=1&service=https%3A%2F%2Fcfifer.singlewindo...>. The page title is "进口食品境外生产企业注册管理系统" (China Import Food Enterprises Registration System). The main content is a "LOGIN OR REGISTER" form with the following fields and elements:

- Username input field
- Password input field
- Enter Code Shown In Image input field (with a CAPTCHA image)
- Sign In button
- [Create an account](#) link
- Not a Overseas Manufacturing Enterprise? [Click Here](#).

- (1.1) Truy cập website: <https://cfifer.singlewindow.cn/> và khai username, password cùng mã catcha. Sau đó theo hướng dẫn tại Bước 2.
- (1.2) Nếu chưa có tài khoản thì cần lập tài khoản mới bằng cách click vào dòng [[Create an account](#)] và làm theo hướng dẫn tại Bước 1b.
- (1.3) Có thể lựa chọn ngôn ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung ở ô [EN] hoặc ô [中].

(Lưu ý: Hướng dẫn tại các bước tiếp theo sẽ được thực hiện trên nền tảng giao diện tiếng Anh của hệ thống. Tuy nhiên tại thời điểm khai thác, hệ thống vẫn chưa được chuyển đổi sang tiếng Anh một cách triệt để nên có thể có một số hạng mục thông tin vẫn được hiển thị bằng tiếng Trung. Vì lý do này, doanh nghiệp được khuyến nghị sử dụng nhân sự biết tiếng Trung để tối đa hóa hiệu quả đăng ký doanh nghiệp).

Bước 1b: Lập tài khoản mới tại hệ thống một cửa thương mại quốc tế

The screenshot shows a web browser window with the URL `app.singlewindow.cn/userserver/user/abroad/index?backUrl=https%3A%2F%2Fapp.single...`. The page header includes the logo and text '中国国际贸易单一窗口' (China International Trade Single Window). The main heading is 'Abroad Enterprise Registration'. The form section is titled 'ENTERPRISE NAME/ADDRESS INFORMATION' and contains the following fields:

- *Username
- *Password
- *Confirm password
- *Located Country(Region) (Dropdown menu showing 'VNM-越南')
- Located Country(Region) Register Number (highlighted with a red circle)
- *Workplace
- Work Department
- Job Title
- *Contacts
- *Contact Mobile
- Contact Fax
- Mobile
- *Contact Address
- *E-mail
- Remarks

A 'Register now' button is located at the bottom of the form.

- (1.4) Tại cửa sổ đăng ký dành cho doanh nghiệp nước ngoài [[Abroad Enterprise Registration](#)], nhập thông tin vào các mục được yêu cầu. Trong đó các mục có dấu * bắt buộc phải nhập.
- (1.5) Đối với mục về mã số đăng ký quốc gia [[Located Country\(Region\) Register Number](#)], đề nghị nhập mã số thuế của doanh nghiệp. Lưu ý:
- (i) Đây là mục không bắt buộc phải nhập nên người sử dụng có quyền bỏ qua mục này khi lập tài khoản. Tuy nhiên Tài khoản thiếu mã số thuế sẽ chỉ được khai thác các công cụ để tra cứu thông tin, không thể sử dụng công cụ đăng ký doanh nghiệp.
 - (ii) Hiện tại, hệ thống cho phép sửa đổi, bổ sung mã số thuế sau khi đã lập tài khoản bằng cách sửa thông tin trong hồ sơ [[Profile](#)] của tài khoản. Tuy nhiên việc sửa đổi, bổ sung mã số thuế chỉ được phép tiến hành 01 lần/tài khoản.
- (1.6) Sau khi nhập thông tin, click vào ô [[Register now](#)] để kết thúc đăng ký. Quay trở lại cửa sổ đăng nhập và tiến hành việc đăng nhập với tài khoản mới như hướng dẫn ở Bước 1a.

Bước 2: Xác định cấp đăng ký theo sản phẩm cụ thể của doanh nghiệp

The screenshot shows the 'China Import Food Enterprise Registration' website. The main content area is titled 'Product type query'. It features a search form with two input fields: 'HS code' (containing '190590') and 'Product name'. Below the form are 'Query' and 'Reset' buttons. A table below the form displays search results with the following columns: 'Or...', 'HS code', 'Product name', 'CIQ...', 'CIQ name', and 'Product c... Offic...'. The table contains four rows of data, all with 'NO' in the final column.

Or...	HS code	Product name	CIQ...	CIQ name	Product c... Offic...
1	1905900000	其他面包, 糕点, 饼干及烘培糕饼(包括装药空囊、封碱、糯米纸及类似制品)	110	其他面包, 糕点, 饼干及烘培糕饼(包括装药空囊、封碱、糯米纸及类似制品)	膨化食品
2	1905900000	其他面包, 糕点, 饼干及烘培糕饼(包括装药空囊、封碱、糯米纸及类似制品)	103	其他面包, 糕点, 饼干及烘培糕饼(包括装药空囊、封碱、糯米纸及类似制品)	饼干、糕点、面包
3	1905900000	其他面包, 糕点, 饼干及烘培糕饼(包括装药空囊、封碱、糯米纸及类似制品)	104	其他面包, 糕点, 饼干及烘培糕饼(包括装药空囊、封碱、糯米纸及类似制品)	饼干、糕点、面包
4	1905900000	其他面包, 糕点, 饼干及烘培糕饼(包括装药空囊、封碱、糯米纸及类似制品)	105	其他面包, 糕点, 饼干及烘培糕饼(包括装药空囊、封碱、糯米纸及类似制品)	饼干、糕点、面包

Showing 1 to 10 of 13 rows (10) rows per page

(2.1) Khi đã đăng nhập thành công, doanh nghiệp được khuyến nghị sử dụng công cụ tra cứu chủng loại sản phẩm [[Product type query](#)] ở cột bên trái của cửa sổ, để xác định xem sản phẩm xuất khẩu của mình có thể được tự đăng ký hay cần đăng ký thông qua cơ quan chủ quản của nước xuất khẩu.

(2.2) Sau khi click, một tab mới sẽ xuất hiện và cho phép doanh nghiệp chọn tra cứu sản phẩm theo mã HS [[HS code](#)] hoặc theo tên mô tả [[Product name](#)] hoặc kết hợp cả hai cách tra cứu. (Lưu ý: Đối với mã HS, hệ thống hiện cho phép tra cứu mã HS đến 10 số. Đối với tên mô tả, hệ thống hiện chỉ cho phép tra cứu bằng tiếng Trung)

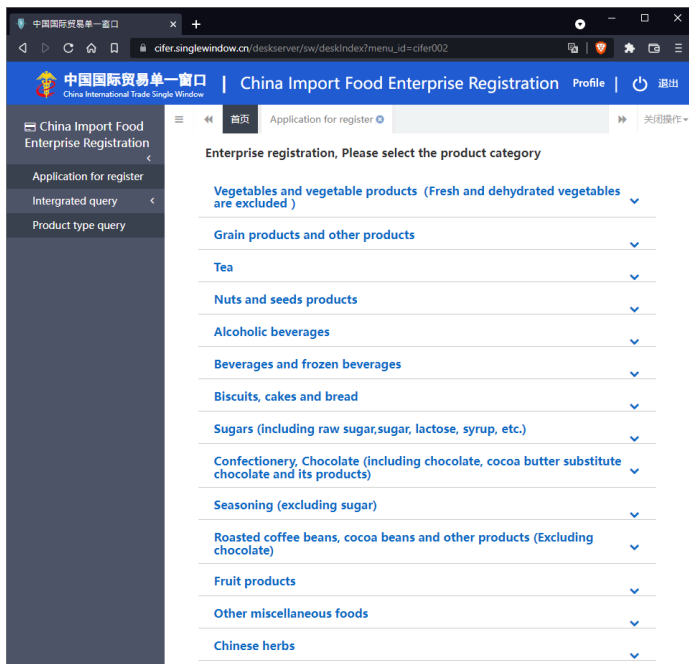
(2.3) Sau khi nhập thông tin, click vào ô [[Query](#)] và kết quả tra cứu sẽ được hiển thị ở bảng bên dưới.

(2.4) Doanh nghiệp có thể tự đăng ký đối với các dòng sản phẩm được ghi [[NO](#)] ở cột cuối cùng [[Officially recommended registration](#)] của bảng kết quả.⁵

(2.5) Ở bảng kết quả, ngoài thông tin được ghi ở cột [[HS code](#)] và [[Product name](#)], Doanh nghiệp cũng nên lưu ý đến thông tin được ghi ở cột [[CIQ code](#)] và [[CIQ name](#)] vì sẽ cần nhập đúng thông tin khi đăng ký đối với mỗi sản phẩm xuất khẩu.

⁵ Đối với các trường hợp được ghi [[YES](#)], doanh nghiệp cần liên hệ với cơ quan chủ quản của nước xuất khẩu để được hướng dẫn.

Bước 3: Tiến hành đăng ký doanh nghiệp đối với sản phẩm có thể tự đăng ký



(3.1) Để tiến hành đăng ký, click vào công cụ nộp đơn đăng ký [[Application for register](#)] ở cột bên trái của cửa sổ.

(3.2) Sau khi click, một tab mới với tiêu đề [[Application for register](#)] sẽ xuất hiện với 02 danh sách gồm:

(i) Danh sách 1 [[Registration recommends by the competent authority in located country. Please select the product category](#)]: Phần này là dành riêng cho cơ quan chủ quản của nước xuất khẩu (để đăng ký đối với 18 loại thực phẩm rủi ro cao). Không cần quan tâm đến nội dung ở đây do tài khoản của doanh nghiệp không thể sử dụng tính năng của phần này.

(ii) Danh sách 2 [[Enterprise registration. Please select the product category](#)]: Phần này nằm ở dưới danh sách 1 và là phần dành cho doanh nghiệp tự đăng ký, gồm 14 loại thực phẩm có thể lựa chọn. Đây là phần mà doanh nghiệp cần quan tâm.

(3.3) Tại Danh sách 2 nêu trên, doanh nghiệp cần click vào hạng mục sản phẩm tương ứng với sản phẩm đang cần đăng ký để tiếp tục.

The screenshot shows a web browser window with the URL ciftr.singlewindow.cn/desk/index?menu_id=offer002#. The page title is 'China Import Food Enterprise Registration'. The main content area is titled 'Application for register' and includes a breadcrumb 'Grain products and other products'. The 'Basic Information' tab is active, showing a form with the following sections:

- Basic information of the enterprises:**
 - *Country (Region): 越南-Viet Nam
 - *Registration number approved by located competent authority: [Input field]
 - Name of the registration approval competent authority: [Input field]
 - Registration number (in China): [Input field]
 - Registration date (in China): [Input field]
 - Registration expiration date (in China): [Input field]
 - *Enterprise name: [Input field]
 - *Plant establishment time: [Input field]
 - *State/Province/Territory: [Input field]
 - *Address of manufacturing facility: [Input field]
 - *Legal representative - name: [Input field]
 - *Legal representative - contact number: [Input field]
 - *Legal representative - email address: [Input field]
 - *Contact person - name: [Input field]
 - *Contact person - phone number: [Input field]
 - *Contact person - E-mail: [Input field]
 - Date of reconstruction and expansion: [Input field]
 - Item of reconstruction and expansion: [Input field]
 - Production facilities of reconstruction and expansion: [Input field]
 - Remarks: [Text area]
 - *Licensed production certificate issued by the competent authority of the country (region): [Input field]
- Upload attachments:** [Upload attachments button]
- Products to be registered/added to China:** [Add button]
- Export trade history in recent 2 years:** [Add button]

At the bottom, there is a 'Next page' button.

(3.4) Sau khi click, một tab mới với tiêu đề tương ứng với tên hạng mục sản phẩm vừa chọn sẽ xuất hiện và cho phép doanh nghiệp nhập thông tin. Mỗi hạng mục sản phẩm về cơ bản sẽ có 04 trang thông tin [Page] bao gồm: [Basic Information]; [Production-related information]; [Declaration information]; và [Attachment Information]. (Lưu ý: Các mục có dấu * bắt buộc phải nhập)

(3.5) Tại trang [Basic Information], trong lần đầu đăng ký, doanh nghiệp cần kiểm tra kỹ dãy số ghi tại mục [Registration number approved by located competent authority], đây chính là mã số thuế mà doanh nghiệp đã nhập. Nếu có sai khác so với thực tế thì doanh nghiệp cần thay đổi bằng cách sửa thông tin trong hồ sơ [Profile] của tài khoản.

(3.6) Cũng tại trang [Basic Information], doanh nghiệp cần đính kèm bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ở mục [Licensed production certificate issued by the competent authority of the contry (region)], và cung cấp thông tin về sản phẩm đang cần đăng ký (có đính kèm ảnh chụp) ở mục [Products to be registered/added to China]. (Lưu ý: Đối với các mục yêu cầu tệp tin đính kèm, trong trường hợp cần thiết, doanh nghiệp có thể đính kèm nhiều tệp tin)

The screenshot shows a web browser window with the URL cifer.singlewindow.cn/deskserver/sw/deskindex?menu_id=cifer002#. The page title is 'China Import Food Enterprise Registration'. The main content area is titled 'Application for register' and includes a sub-tab 'Grain products and other products'. The 'Production-related information' tab is active, showing several sections:

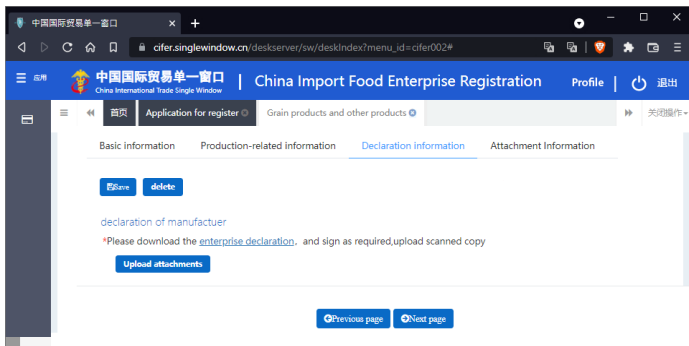
- Raw material/ingredient information:** A table with columns: Order NO., Product name, Raw material, Country, Proportion, Operation. Below the table, it says 'No matching records found'.
- Production correspondence:** A table with columns: Order NO., Product name, Name of affiliated com..., Registration number, Operation. Below the table, it says 'No matching records found'.
- Production and processing water:**
 - *Water source: Municipal water Enterprise owned water source
 - *Whether to test water quality of production and processing water: Yes No
- Production process:**
 - *Specific processing methods: (such as cleaning, heat/cold treatment time and temperature, pickling, dehydration, packaging, etc.) [Text input field] [Upload attachments button]
- Human resources:**
 - *Total number of employees: [Text input field]
 - *Number of management and technical personnel: [Text input field]

At the bottom of the page, there are 'Previous page' and 'Next page' buttons.

(3.7) Tại trang [[Production-related information](#)], doanh nghiệp được yêu cầu nhập đủ thông tin về nguyên liệu và nguồn nước được sử dụng trong sản xuất các sản phẩm đang được đăng ký.

(3.8) Đồng thời doanh nghiệp cũng cần đưa ra mô tả ngắn gọn về cách thức chế biến đặc thù (nếu có) ở mục [[Specific processing methods](#)]. (Lưu ý: Mục này có dấu * nên bắt buộc phải nhập thông tin ở dạng chữ, tuy nhiên không bắt buộc đính kèm bản thiết kế dây chuyền sản xuất-chế biến. Doanh nghiệp chỉ nên đính kèm bản thiết kế nếu cảm thấy thực sự cần thiết).

(3.9) Doanh nghiệp cũng được yêu cầu cung cấp số lượng cụ thể về tổng số nhân viên và số nhân viên đảm nhiệm kỹ thuật-quản lý.



(3.10) Tại trang [[Declaration information](#)], doanh nghiệp cần tải mẫu Tuyên bố của nhà sản xuất bằng cách click vào dòng [[enterprise declaration](#)]. Tuyên bố của nhà sản xuất cần được soạn bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung. Doanh nghiệp có thể tham khảo Mẫu Tuyên bố của nhà sản xuất Việt Nam như các hình dưới đây.

(3.11) Bản tuyên bố cần được in ra, được ký và đóng dấu trước khi được chụp và đính kèm lên hệ thống.

Declaration of the manufacturer

We hereby declare that the information and related materials submitted by this manufacturer are true and complete, and can meet the relevant regulations of China and Vietnam and the *Regulations of the People's Republic of China on the Registration and Administration of Overseas Manufacturers of Imported Food*.

<Name and position of the legal representative of the manufacturer>

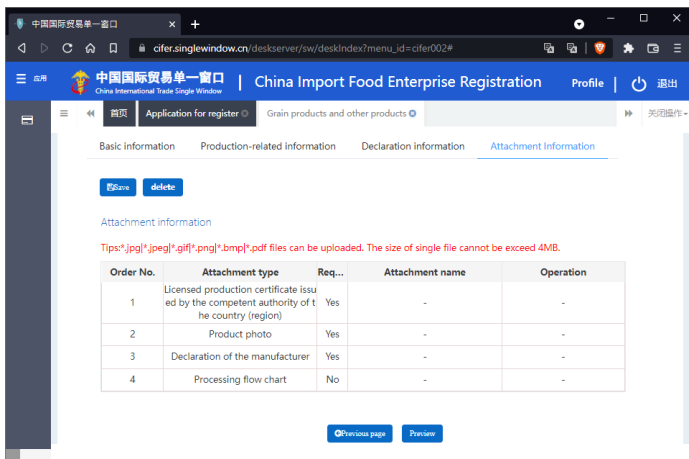
<Signature and seal of the legal representative> Date:

企业声明

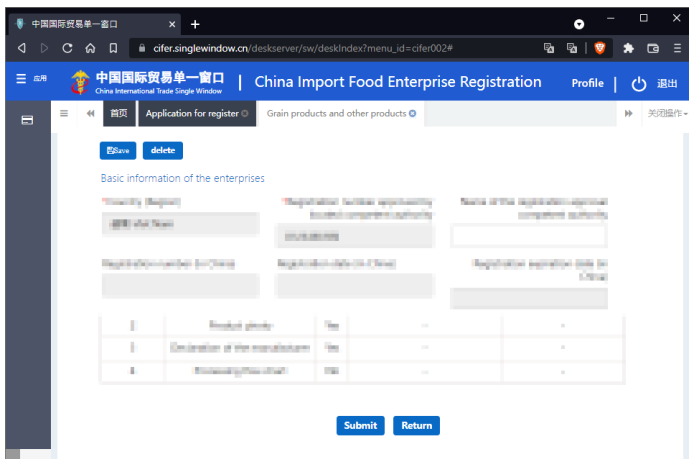
现声明本企业提交信息与相关材料真实、完整，能够符合中国和越南相关法规及《中华人民共和国进口食品境外生产企业注册管理规定》的要求。

<企业法人代表姓名和职务>

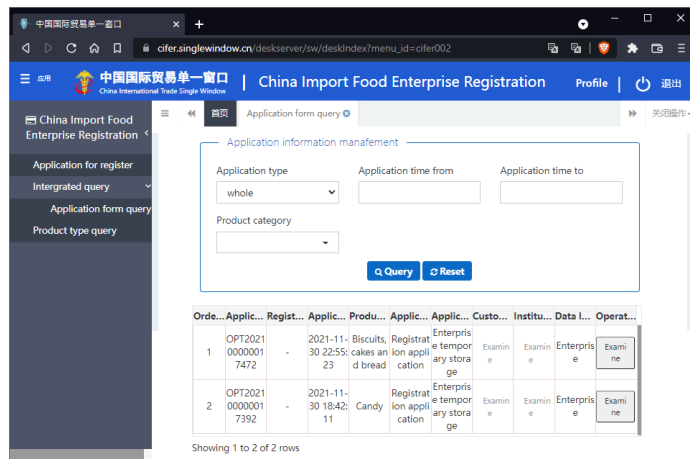
<企业法人签章> 日期:



(3.12) Trang [Attachment Information] phục vụ việc kiểm tra các tệp tin đã được đính kèm (cần đính kèm đủ các tệp tin được ghi [YES] ở cột [Required]). Sau khi kiểm tra, click vào ô [Preview] để xem lại toàn bộ hồ sơ. Nếu cần sửa đổi, click vào ô [Return] để quay lại. Khi đã chắc chắn, click vào ô [Submit] để gửi hồ sơ và chờ đợi phản hồi.



(3.13) Doanh nghiệp có thể kiểm tra trạng thái của hồ sơ đã nộp bằng công cụ [Integrated query]> [Application form query] như hình dưới đây. Hồ sơ nào được duyệt sẽ được ghi [Approved] ở cột [Application status] và mã đăng ký được hiển thị ở cột [Registration number in China].



3. Thông báo kết quả và việc thay đổi thông tin đăng ký đối với doanh nghiệp sản xuất thực phẩm

3.1. Thông báo kết quả

Đối với doanh nghiệp sản xuất 18 loại thực phẩm Nhóm 1, sau khi nhận được đăng ký của doanh nghiệp thông qua cơ quan chủ quản Việt Nam, Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ trực tiếp hoặc ủy thác cho các cơ quan liên quan tổ chức đoàn đánh giá, tiến hành đánh giá, rà soát các doanh nghiệp đăng ký thông qua hình thức kiểm tra bằng văn bản, video, kiểm tra tại chỗ hoặc các hình thức khác. Doanh nghiệp và cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Tổng cục Hải quan Trung Quốc trên cơ sở đánh giá, xét duyệt đăng ký sẽ cấp số đăng ký tại Trung Quốc cho doanh nghiệp Việt Nam đạt yêu cầu, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc trực tiếp tới doanh nghiệp liên quan bằng văn bản. Trường hợp doanh nghiệp không đạt yêu cầu, Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ không cấp số đăng ký và sẽ thông báo bằng văn bản tới doanh nghiệp liên quan.

3.2. Hiệu lực đăng ký doanh nghiệp

Hiệu lực đăng ký của doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu có thời hạn là 05 năm. Khi doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm nhập khẩu được đăng ký, Tổng cục Hải quan Trung Quốc cũng sẽ xác định thời hạn đăng ký (ngày bắt đầu và ngày kết thúc thời hạn hiệu lực của việc đăng ký).

Doanh nghiệp đã đăng ký xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc phải ghi trên bao bì bên trong và bên ngoài của thực phẩm số đăng ký tại Trung Quốc hoặc số đăng ký được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở.

Trước thời điểm thời hạn của giấy phép đăng ký nêu trên từ 03 đến 06 tháng, doanh nghiệp cần tiến hành thủ tục gia hạn. Doanh nghiệp đến hạn không làm thủ tục gia hạn sẽ bị hủy đăng ký.

Hồ sơ gia hạn đăng ký bao gồm:

- (1) Đơn xin gia hạn đăng ký;
- (2) Bản cam kết sẽ tiếp tục đáp ứng các yêu cầu đăng ký.

3.3. Thay đổi thông tin hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

Bất kỳ sự thay đổi trong hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm, đại lý nước ngoài hoặc doanh nghiệp nhập khẩu (Trung Quốc) đều phải thực hiện thủ tục đăng ký với cơ quan quản lý hồ sơ (Tổng cục Hải quan Trung Quốc) trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh thay đổi.

Hồ sơ, tài liệu cần cung cấp gồm:

- (1) Bảng đối chiếu thông tin thay đổi theo mục đăng ký.
- (2) Các tài liệu chứng minh liên quan đến thông tin thay đổi.

Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ xem xét chấp nhận việc thay đổi thông tin của doanh nghiệp sản xuất thực phẩm của Việt Nam. Trường hợp nhà sản xuất chuyển địa điểm sản xuất, thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi số đăng ký do cơ quan chủ quản phía Việt Nam cung cấp sẽ phải tiến hành đăng ký lại; số đăng ký cũ tại Trung Quốc sẽ tự động hết hiệu lực.

Trường hợp hồ sơ, thông tin về nhà nhập khẩu thực phẩm (doanh nghiệp Trung Quốc) có sự thay đổi nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký, Tổng cục Hải quan Trung Quốc cũng sẽ phạt cảnh cáo. Mức phạt không quá 10 nghìn Nhân dân tệ (khoảng 36 triệu VNĐ), tương đương với hành vi cung cấp thông tin hồ sơ sai sự thật.

3.4. Trách nhiệm của doanh nghiệp

Tổng cục Hải quan Trung Quốc đề nghị cơ quan chủ quản Việt Nam có trách nhiệm giám sát hiệu quả các doanh nghiệp đã đăng ký; đồng thời đôn đốc doanh nghiệp tiếp tục tuân thủ theo các yêu cầu đăng ký và nếu phát hiện trường hợp không đáp ứng các yêu cầu đăng ký cần có biện pháp kiểm soát và đình chỉ xuất khẩu thực phẩm đi Trung Quốc của doanh nghiệp có liên quan cho đến khi việc khắc phục đáp ứng các yêu cầu đăng ký.

Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu nếu phát hiện không đáp ứng yêu cầu đăng ký cần chủ động tạm dừng xuất khẩu thực phẩm đi Trung Quốc và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục điều chỉnh cho đến khi đáp ứng yêu cầu đăng ký.

Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, trong số 18

chủng loại mặt hàng thuộc Nhóm 1 do phía Trung Quốc quy định, có 04 loại thực phẩm thuộc lĩnh vực phụ trách của Bộ Công Thương, bao gồm: sữa chế biến, dầu thực vật, bánh có nhân các loại, sản phẩm bột ngũ cốc và mạch nha. Riêng mặt hàng sữa chế biến, căn cứ Nghị định thư về kiểm dịch sữa và các sản phẩm sữa giữa Việt Nam và Trung Quốc (ký kết năm 2019), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối để đăng ký doanh nghiệp với Trung Quốc. Để kịp tổng hợp danh sách doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu đi Trung Quốc theo quy trình phê duyệt đăng ký nhanh (của Tổng cục Hải quan Trung Quốc) thuộc thẩm quyền phụ trách, Bộ Công Thương chủ động tiến hành đăng ký cho các doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng dầu thực vật, bánh có nhân các loại, sản phẩm bột ngũ cốc. Các sản phẩm còn lại thuộc phạm vi phụ trách của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Y tế chủ trì. Bộ Công Thương đã sơ bộ cụ thể hóa mã HS sản phẩm thuộc thẩm quyền phụ trách của Bộ Công Thương theo mô tả của Tổng cục Hải quan Trung Quốc tại Phụ lục 2 của Tài liệu hướng dẫn này. Các mã HS có thể chưa đầy đủ và chỉ mang tính tham khảo.

4. Hướng dẫn đăng ký đối với doanh nghiệp thương mại

Đối với doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm (không phải doanh nghiệp sản xuất thực phẩm), việc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp với Tổng cục Hải quan Trung Quốc tiến hành theo quy định từ trước, cụ thể:

- Doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm phải cung cấp thông tin thông qua hệ thống quản lý hồ sơ đăng ký và nộp đơn đăng ký tại website <http://ire.customs.gov.cn/>.

- Sau khi gửi thông tin đăng ký, doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm sẽ nhận được số series do hệ thống quản lý hồ sơ cung cấp. Doanh nghiệp có thể sử dụng số series này để kiểm tra quy trình nộp hồ sơ đăng ký và sửa đổi thông tin nộp hồ sơ đăng ký.

- Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ lưu hồ sơ của các doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu và công bố danh sách trên website của Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Thông tin được công bố sẽ bao gồm hoạt động kinh doanh, tên doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu, quốc gia (khu vực).



PHẦN III:
**MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI ĐỐI VỚI
THỰC PHẨM NHẬP KHẨU**

1. Quy định kiểm tra, đánh giá của Tổng cục Hải quan Trung Quốc

Tổng cục Hải quan Trung Quốc có thể tổ chức cho các chuyên gia thực hiện đánh giá, thẩm tra thông qua nhiều hình thức, trong đó có kết hợp giữa thẩm tra tài liệu, kiểm tra trực tuyến và kiểm tra tại chỗ.

Tổng cục Hải quan Trung Quốc tổ chức cho các chuyên gia tiếp nhận đánh giá thẩm tra qua xem xét tài liệu hồ sơ và phiếu câu hỏi đánh giá bằng văn bản do các quốc gia (khu vực) gửi đến. Việc xem xét bao gồm tính xác thực, đầy đủ và hợp lệ của tài liệu. Căn cứ tình hình thẩm tra tài liệu, Tổng cục Hải quan Trung Quốc có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) liên quan bổ sung thông tin, dữ liệu còn thiếu.

Đối với các quốc gia (khu vực) đã thông qua bước thẩm tra tài liệu, Tổng cục Hải quan Trung Quốc có thể tổ chức cho các chuyên gia tiến hành kiểm tra hệ thống quản lý an toàn thực phẩm qua video hoặc kiểm tra tại chỗ. Nếu phát hiện vấn đề sẽ yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền liên quan của quốc gia (khu vực) và các doanh nghiệp có liên quan thực hiện việc khắc phục các vấn đề được tìm thấy.

Quốc gia (khu vực) liên quan cần cung cấp hỗ trợ cần thiết để đánh giá và thẩm tra.

2. Quy định về đóng gói, ghi nhãn

Việc đóng gói, ghi nhãn và nhận dạng thực phẩm nhập khẩu phải tuân theo luật, quy định và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc; trong trường hợp sản phẩm cần có hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn sử dụng phải được ghi bằng tiếng Trung.

2.1. Đối với sản phẩm thịt tươi sống và đông lạnh

Bao bì bên trong và bên ngoài phải có nhãn hiệu chắc chắn, rõ ràng, dễ đọc bằng tiếng Trung/tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc và ngôn ngữ của nước xuất khẩu (khu vực), các nội dung cần được thể hiện rõ gồm: quốc gia(khu vực) xuất xứ, tên sản phẩm, số đăng ký của nhà sản xuất, số lô sản xuất.

Bao bì bên ngoài phải ghi thông số kỹ thuật, nơi sản xuất (bang/tỉnh/ thành phố), nơi đến, ngày sản xuất, hạn sử dụng, nhiệt độ bảo quản v.v. bằng tiếng

Trung Quốc; điểm đến phải ghi rõ là “Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” và có dấu kiểm dịch chính thức của cơ quan có thẩm quyền quốc gia (khu vực) xuất khẩu.

2.2. Đối với các sản phẩm thủy sản

Bao bì bên trong và bên ngoài phải có nhãn hiệu chắc chắn, rõ ràng, dễ đọc bằng tiếng Trung Quốc/tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc và ngôn ngữ quốc gia (khu vực) xuất khẩu, thể hiện rõ như sau: Tên hàng hóa và tên khoa học; Thông số kỹ thuật, ngày sản xuất, số lô, thời hạn sử dụng và điều kiện bảo quản; Phương thức sản xuất (hải sản đánh bắt biển, đánh bắt nước ngọt, nuôi trồng); Khu vực sản xuất (vùng biển đánh bắt hải sản, vùng/quốc gia đánh bắt nước ngọt, sản phẩm nuôi trồng quốc gia (khu vực); tên, số đăng ký và địa chỉ (tỉnh/thành phố) của tất cả các doanh nghiệp sản xuất và chế biến có liên quan (bao gồm tàu đánh cá, tàu chế biến và tàu vận tải, kho lạnh độc lập) và điểm đến bắt buộc phải được ghi chú là “Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”.



2.3. Đối với thực phẩm chức năng và thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt

Nhãn tiếng Trung Quốc đối với sản phẩm phải được in trên bao bì tiêu thụ nhỏ nhất, không được sử dụng phương pháp dán.

Nhãn của thực phẩm chính và thực phẩm bổ sung dành cho trẻ sơ sinh và các đối tượng cụ thể khác phải ghi rõ các thành phần dinh dưỡng chính và hàm lượng.

Trường hợp thực phẩm nhập khẩu có quy định ghi nhãn đặc biệt thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Lưu ý: Trong quá trình giám sát thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu, cơ quan Hải quan nếu phát hiện thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu không dán nhãn tiếng Trung hoặc nhãn tiếng Trung không tuân theo quy định, pháp luật và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc sẽ buộc tiêu hủy hoặc trả lại.

3. Thực phẩm sản xuất bằng nguyên liệu thực phẩm mới

“Nguyên liệu thực phẩm mới” là sản phẩm có thể ăn được phi truyền thống được tiêu thụ ở Trung Quốc, được phát triển để phục vụ nhu cầu tiêu dùng cho con người.

Thực phẩm sản xuất bằng “nguyên liệu thực phẩm mới” phải có giấy phép quản lý y tế về nguyên liệu thực phẩm mới của Cơ quan quản lý y tế của Quốc vụ viện hay còn gọi là Ủy ban Y tế quốc gia Trung Quốc theo quy định tại Điều 37 của Luật An toàn thực phẩm, cụ thể:

Các nhà xuất khẩu sử dụng nguyên liệu mới để sản xuất thực phẩm, sản xuất phụ gia thực phẩm, sản phẩm liên quan đến thực phẩm mới phải nộp tài liệu đánh giá độ an toàn của sản phẩm có liên quan đến cơ quan quản lý nhà nước về y tế. Ủy ban Y tế quốc gia Trung Quốc sẽ tiến hành xem xét trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận đơn; cấp giấy phép và công bố các cơ sở phù hợp tiêu chuẩn an toàn thực phẩm hoặc sẽ từ chối giấy phép và nêu lý do bằng văn bản đối với những cơ sở không phù hợp với tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

4. Quy trình kiểm tra tại chỗ đối với thực phẩm nhập khẩu

Căn cứ nhu cầu giám sát và quản lý, Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với thực phẩm nhập khẩu, kiểm tra tại chỗ bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

- (1) Phương tiện vận chuyển và nơi bảo quản có đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh hay không;
- (2) Số container, số niêm phong, nội dung ghi nhãn trên bao bì bên trong và bên ngoài, tình trạng thực tế của hàng hóa có phù hợp với thông tin khai báo và các chứng từ kèm theo hay không;
- (3) Thực phẩm nguồn gốc động thực vật, bao bì và vật liệu lót chuồng có tồn tại các điều kiện trong quy định tại Điều 22 của “Quy định thi hành Luật Kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh” hay không;
- (4) Bao bì bên trong và bên ngoài có đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm hay không, có bị nhiễm bẩn, hư hỏng, ngấm nước hoặc thấm thấu hay không;
- (5) Nhãn, biểu tượng và hướng dẫn trên bao bì bên trong và bên ngoài có đáp ứng các yêu cầu của pháp luật, quy chuẩn hành chính, tiêu chuẩn

an toàn thực phẩm quốc gia và quy định của Tổng cục Hải quan Trung Quốc hay không;

- (6) Các đặc tính cảm quan của thực phẩm có đáp ứng các đặc tính nên có của thực phẩm hay không;
- (7) Độ tươi của thực phẩm đông lạnh và giữ lạnh, nhiệt độ lõi có đáp ứng yêu cầu không, có biến đổi bệnh lý không, nhiệt độ của môi trường làm lạnh và đông lạnh có đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn liên quan hay không, thiết bị và phương tiện kiểm soát nhiệt độ dây chuyền lạnh hoạt động bình thường hay không, ghi chép nhiệt độ có đáp ứng các yêu cầu hay không, trong trường hợp cần thiết có thể nấu thử nghiệm.





PHỤ LỤC



PHỤ LỤC 1: MÔ TẢ 18 LOẠI THỰC PHẨM THUỘC NHÓM RỦI RO CAO DO TỔNG CỤC HẢI QUAN TRUNG QUỐC CUNG CẤP

Danh mục sản phẩm gồm: ruột động vật (dùng để làm vỏ xúc xích), sản phẩm từ ong, trứng và các sản phẩm từ trứng, dầu mỡ thực phẩm và nguyên liệu, bánh có nhân các loại, ngũ cốc dùng làm thực phẩm, sản phẩm bột ngũ cốc và mạch nha, các loại rau tươi, rau tách nước và đậu khô, gia vị nguồn gốc tự nhiên, quả hạch và các loại hạt, trái cây khô, hạt cà phê và ca cao chưa rang, thực phẩm ăn kiêng đặc biệt, thực phẩm chức năng.

- (1) Ruột động vật (dùng để làm vỏ xúc xích): đề cập đến các bộ phận được muối hoặc sấy từ các phần còn lại của ruột non, ruột già, bàng quang của gia súc khỏe mạnh sau khi đã được xử lý bằng các biện pháp chế biến đặc biệt như cạo và tẩy dầu mỡ, làm thành vỏ xúc xích.
- (2) Sản phẩm từ ong: đề cập đến các chất ngọt tự nhiên được hình thành sau quá trình ủ men hỗn hợp các chất ngọt từ thực vật mà ong thu thập như mật hoa, dịch tiết hoặc mật ngọt và chất tiết của ong, cũng như các chất ăn được được hình thành tự nhiên trong quá trình sinh sản hoặc được tạo ra bởi các quy trình đặc biệt, bao gồm sữa ong chúa, bột sữa ong chúa, phấn hoa mật ong, bột đông khô sữa ong chúa, v.v.
- (3) Trứng và các sản phẩm từ trứng, trong đó các sản phẩm từ trứng bao gồm:
 - (i) Sản phẩm trứng lỏng: các sản phẩm trứng được làm từ trứng tươi, đã bóc vỏ và qua chế biến như trứng lỏng, lòng đỏ trứng dạng lỏng và lòng trắng trứng dạng lỏng;
 - (ii) Sản phẩm trứng khô: các sản phẩm trứng được làm từ trứng tươi, đã bóc vỏ và xử lý thông qua các công nghệ như tách đường, sấy khô như bột trứng, bột lòng đỏ trứng và bột lòng trắng trứng;
 - (iii) Sản phẩm trứng đông lạnh: các sản phẩm trứng được làm từ trứng tươi, đã bóc vỏ và xử lý thông qua các công nghệ

như đông lạnh, như trứng đông lạnh nguyên quả, lòng đỏ trứng đông lạnh, lòng trắng trứng đông lạnh;

- (iv) Trứng chế biến: sản phẩm trứng được làm từ trứng tươi, được chế biến qua các quá trình khác nhau: muối, kiềm, ướp, kho như trứng bắc thảo, trứng muối, lòng đỏ trứng muối.
- (4) Dầu mỡ thực phẩm và nguyên liệu: dầu mỡ thực phẩm được dùng để chỉ dầu thực vật dùng để ăn hoặc chế biến được làm từ dầu thực vật ăn được và các sản phẩm đơn lẻ hay hỗn hợp chất béo thực vật đã qua chế biến bằng các phương pháp tinh chế hoặc chưng cất phân đoạn. Nguyên liệu ở đây dùng để chỉ hạt của cây có dầu được sử dụng để chiết xuất nguyên liệu làm dầu thực vật, chủ yếu gồm lạc và vừng để lấy dầu.
- (5) Các loại bánh có nhân: dùng để chỉ các sản phẩm đông lạnh đã được làm chín hoặc chưa làm chín, có nhân làm từ nhiều loại nguyên liệu khác nhau và có vỏ làm bằng bột mì như bánh bao, sủi cảo v.v.
- (6) Ngũ cốc ăn được: để cập đến các sản phẩm từ hạt, rễ và củ của cây trồng như ngũ cốc và khoai, chủ yếu bao gồm các sản phẩm ăn được từ hạt của các loại cây thân thảo sau khi chế biến thô, chẳng hạn như gạo, yến mạch và cao lương.
- (7) Bột ngũ cốc và mạch nha: dùng để chỉ các sản phẩm dạng bột mịn được làm từ việc nghiền và lọc hạt hoặc rễ, củ của các loại cây trồng như ngũ cốc, khoai, trái cây, quả hạch,... thành bột ăn được, hoặc sản phẩm mạch nha có được sau quá trình thủy phân.
- (8) Rau tươi, rau khô và đậu khô: các loại rau tươi hoặc các sản phẩm rau khô được chế biến bằng cách giữ tươi, khử nước, sấy khô và các quá trình sấy khô khác và đậu khô.
- (9) Hạt cà phê và hạt ca cao chưa rang
- (10) Gia vị nguồn gốc tự nhiên: chỉ các sản phẩm thực vật tự nhiên như quả, hạt, hoa, rễ, thân, lá, vỏ hoặc toàn cây, có thể được sử dụng trực tiếp với các chức năng làm thơm, tạo mùi và gia vị.

- (11) Quả hạch và hạt: quả hạch dùng để chỉ hạt của cây thân gỗ có vỏ cứng, bao gồm quả óc chó, hạt dẻ, hạt mơ, hạt hạnh nhân, quả hồ đào, hạt dẻ cười, hạt torreya grandis, hạt mắc-ca và hạt thông,... Hạt dùng để chỉ hạt của các loại thực vật như dưa, quả, rau, bao gồm cả hạt dưa hấu và hạt bí ngô.
- (12) Trái cây sấy khô: dùng để chỉ các sản phẩm trái cây tươi được sấy khô bằng quá trình phơi nắng, sấy khô và các quá trình khử nước khác.
- (13) Thực phẩm ăn kiêng đặc biệt:
- (i) Sữa bột đậu nành cho trẻ sơ sinh: dùng để chỉ đậu nành và các sản phẩm đậu nành làm nguyên liệu chính, bổ sung lượng vitamin, khoáng chất và /hoặc các thành phần khác phù hợp, chỉ sử dụng các phương pháp sản xuất và chế biến vật lý phù hợp với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ dùng để ăn dạng lỏng hoặc bột.
 - (ii) Sữa công thức sử dụng với mục đích y tế đặc biệt, để đáp ứng các hạn chế ăn uống, rối loạn tiêu hóa và hấp thu, rối loạn chuyển hóa hoặc tình trạng bệnh cụ thể của những người có nhu cầu đặc biệt về chất dinh dưỡng hoặc chế độ ăn uống, là sản phẩm được chế biến và có công thức đặc biệt. Các sản phẩm đó phải được sử dụng dưới sự hướng dẫn của bác sĩ hoặc chuyên gia dinh dưỡng lâm sàng, được dùng riêng lẻ hoặc kết hợp với các loại thực phẩm khác.
 - (iii) Thực phẩm bổ sung cho trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi, bao gồm thực phẩm bổ sung đóng hộp cho trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi và thực phẩm ngũ cốc bổ sung cho trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi. Thực phẩm hỗ trợ đóng lon cho trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi là nguyên liệu thực phẩm được chế biến, đóng lon, đóng gói, tiệt trùng hoặc vô trùng, có thể được bảo quản ở nhiệt độ phòng cho trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi trên 6 tháng tuổi; thực phẩm bổ sung ngũ cốc cho trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi là một hoặc nhiều loại ngũ cốc làm nguyên liệu chính và ngũ cốc chiếm hơn 25% thành

phần chất khô, bổ sung lượng bổ sung dinh dưỡng thích hợp và (hoặc) các thành phần phụ khác, được thực hiện bằng cách chế biến các chất bổ sung thức ăn thích hợp cho trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi trên 6 tháng tuổi.

- (iv) Các loại khác (thực phẩm bổ sung dinh dưỡng, thực phẩm dinh dưỡng thể thao, v.v.) khác để đáp ứng các điều kiện thể chất hoặc sinh lý đặc biệt và (hoặc) để đáp ứng nhu cầu ăn uống đặc biệt của bệnh tật, rối loạn và các trạng thái khác, thực phẩm được chế biến hoặc có công thức đặc biệt.
- (14) Thực phẩm chức năng: có chức năng hỗ trợ sức khỏe đặc thù hoặc để bổ sung vitamin, khoáng chất cho thực phẩm. Thích hợp để tiêu thụ cho một nhóm người cụ thể, có chức năng điều hòa cơ thể, không nhằm mục đích điều trị bệnh, và không tạo ra bất kỳ tác hại cấp tính, bán cấp hoặc mãn tính nào đối với cơ thể con người.

PHỤ LỤC 2: DỰ KIẾN MÃ HS CÁC LOẠI THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN PHỤ TRÁCH CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

I. Danh mục dầu thực vật và các sản phẩm chế biến từ dầu thực vật

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 8-1:2011/BYT; QCVN 8-2:2011/BYT; QCVN 8-3:2011/BYT; Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT; TCVN 7597:2013 (CODEX STAN 210-1999, Amd. 2013)

Mã HS	Mô tả hàng hóa theo Thông tư 65/2017/TT-BTC	Chi chú
15079090	Loại khác	Dầu đậu tương
15089000	Loại khác	Dầu lạc đã tinh chế
1509	Dầu ô liu và các phần phân đoạn của dầu ô liu, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi về mặt hoá học.	Dầu ô liu
150910	Dầu nguyên chất (virgin)	
15091010	Đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 30 kg	Dầu ô liu nguyên chất
15091090	Loại khác	
15100090	Loại khác	
15119020	Dầu tinh chế	
	Các phần phân đoạn của dầu tinh chế:	
	Các phần phân đoạn thể rắn:	
15119031	Có chỉ số iốt từ 30 trở lên, nhưng dưới 40	
15119032	Loại khác	
	Các phần phân đoạn thể lỏng:	
15119036	Đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 25kg	
15119037	Loại khác, có chỉ số iốt từ 55 trở lên, nhưng dưới 60	
15119039	Loại khác	
	Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh chế:	
15121920	Đã qua tinh chế	
15121990	Loại khác	
15122990	Loại khác	Dầu hạt bông đã tinh chế

Mã HS	Mô tả hàng hóa theo Thông tư 65/2017/TT-BTC	Ghi chú
15131990	Loại khác	Dầu dừa đã tinh chế; Dầu ba-ba-su đã tinh chế
15132190	Loại khác	Dầu dừa (copra), dầu hạt cọ hoặc dầu cọ ba-ba-su
15132994	Olein hạt cọ, đã tinh chế, tẩy và khử mùi (RBD)	
15132995	Dầu hạt cọ, đã tinh chế, tẩy và khử mùi (RBD)	
15141920	Đã tinh chế	
15149110	Dầu hạt cải khác	
15149990	Loại khác	
	Dầu hạt lanh và các phần phân đoạn của dầu hạt lanh:	Dầu hạt lanh
15151900	Loại khác	Dầu hạt lanh đã tinh chế
15152991	Các phần phân đoạn thể rắn	Các loại dầu khác
15152999	Loại khác	
15153090	Loại khác	Dầu thầu dầu đã tinh chế
15155090	Loại khác	Dầu hạt vừng đã tinh chế
15159019	Loại khác	Các loại dầu khác
15159029	Loại khác	
15159039	Loại khác	
15159099	Loại khác	Dầu cám gạo
15162096	Stearin hạt cọ đã tinh chế, tẩy và khử mùi (RBD)	Các loại dầu khác (có nguồn gốc thực vật)
1517	Margarine; các hỗn hợp hoặc các chế phẩm ăn được của chất béo hoặc thực vật hoặc các phần phân đoạn của các loại chất béo hoặc dầu khác nhau thuộc Chương này trừ chất béo hoặc dầu ăn được hoặc các phần phân đoạn của chúng thuộc nhóm 15.16.	Các loại dầu khác (có nguồn gốc thực vật)
151710	Margarin, trừ loại margarin lỏng:	
15171010	Đóng bao bì kín khí để bán lẻ	
15171090	Loại khác	

Mã HS	Mô tả hàng hóa theo Thông tư 65/2017/TT-BTC	Chi chú
151790	Loại khác:	
15179010	Chế phẩm giả ghee	
15179020	Margarin lỏng	
15179030	Của loại sử dụng như chế phẩm tách khuôn	
	Chế phẩm giả mỡ lợn; shortening:	
15179043	Shortening	
15179044	Chế phẩm giả mỡ lợn	
15179050	Hỗn hợp hoặc chế phẩm ở dạng rắn khác của chất béo hay dầu thực vật hoặc của các phần phân đoạn của chúng	
	Hỗn hợp hoặc chế phẩm ở dạng lỏng khác của chất béo hay dầu thực vật hoặc của các phần phân đoạn của chúng:	
15179061	Thành phần chủ yếu là dầu lạc	
15179062	Thành phần chủ yếu là dầu cọ thô	
15179063	Thành phần chủ yếu là dầu cọ khác, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 25kg	
15179064	Thành phần chủ yếu là dầu cọ khác, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 25kg	
15179065	Thành phần chủ yếu là dầu hạt cọ	
15179066	Thành phần chủ yếu là olein hạt cọ	
15179067	Thành phần chủ yếu là dầu đậu nành hoặc dầu dừa	
15179068	Thành phần chủ yếu là dầu hạt illipe	
15179069	Loại khác	
15179090	Loại khác	
15180014	Dầu lạc, dầu đậu nành, dầu cọ hoặc dầu dừa	Các loại dầu khác (có nguồn gốc thực vật)
15180015	Dầu hạt lanh và các phần phân đoạn của dầu hạt lanh	
15180016	Dầu ô liu và các phần phân đoạn của dầu ô liu	
15180019	Loại khác	

II. Danh mục sản phẩm bột, tinh bột, bánh có nhân

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 8-1:2011/BYT; QCVN 8-2:2011/BYT; QCVN 8-3:2011/BYT; Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT

Mã HS	Mô tả hàng hóa theo Thông tư 65/2017/TT-BTC	Ghi chú
1101	Bột mì hoặc bột meslin	
	- Bột mì:	
11010011	-- Tăng cường vi chất dinh dưỡng	Bột mì tăng cường Sắt và Kẽm
11010019	-- Loại khác	Bột mì thông thường
11010020	- Bột meslin	
1102	Bột ngũ cốc, trừ bột mì hoặc bột meslin	Bột ngũ cốc
11022000	- Bột ngô	
110290	- Loại khác:	
11029010	-- Bột gạo	
11029020	-- Bột lúa mạch đen	
11029090	-- Loại khác	
11051000	- Bột, bột thô và bột mịn	Bột khoai tây
1107	Mạch nha, rang hoặc chưa rang.	Mạch nha:
11071000	- Chưa rang	Rang hoặc chưa rang
11072000	- Đã rang	
1108	Tinh bột; inulin.	Tinh bột: Mì, ngô, khoai tây, sắn, khác
	- Tinh bột:	
11081100	-- Tinh bột mì	
11081200	-- Tinh bột ngô	
11081300	-- Tinh bột khoai tây	
11081400	-- Tinh bột sắn	
110819	-- Tinh bột khác:	
11081990	--- Loại khác	
11082000	- Inulin	Inulin

Mã HS	Mô tả hàng hóa theo Thông tư 65/2017/TT-BTC	Ghi chú
11090000	Gluten lúa mì, đã hoặc chưa làm khô.	Gluten lúa mì
1902	Sản phẩm từ bột nhào (pasta), đã hoặc chưa làm chín hoặc nhồi (thịt hoặc các chất khác) hoặc chế biến cách khác, như spaghetti, macaroni, mì sợi (noodle), mì dẹt (lasagne), gnocchi, ravioli, cannelloni; couscous, đã hoặc chưa chế biến.	Sản phẩm từ bột nhào, đã hoặc chưa làm chín: spaghety, macaroni, mì sợi, mì ăn liền, mì dẹt, gnocchi, ravioli, cannelloni, cháo ăn liền, bánh đa, phở, bún, miến...
	- Sản phẩm từ bột nhào chưa làm chín, chưa nhồi hoặc chưa chế biến cách khác:	
190220	- Sản phẩm từ bột nhào đã được nhồi, đã hoặc chưa nấu chín hay chế biến cách khác:	
19022010	-- Được nhồi thịt hoặc phụ phẩm dạng thịt	
19022030	-- Được nhồi cá, động vật giáp xác hoặc động vật thân mềm	
19022090	-- Loại khác	



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 4 Tống Duy Tân, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0084-24-3825-2916

Fax: 0084-24-3928-9143

Website: www.nxbhanoi.com.vn

Email: nxbhanoi@yahoo.com.vn

HƯỚNG DẪN

**DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT THỰC PHẨM ĐÁP ỨNG
CÁC QUY ĐỊNH MỚI CỦA THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc- Tổng biên tập: Vũ Văn Việt

Biên tập viên: Phạm Thị Anh Minh

Thiết kế và trình bày: Nguyễn Thiện Quân

Đối tác liên kết:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO SAO THỦY

Địa chỉ: Số 113 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Hà Nội

In 500 cuốn, khổ 14,8 x 21,0 cm, tại Công ty Cổ phần Sáng tạo Sao Thủy

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4525-2021/CXBIPH/02-312/HN

Quyết định xuất bản số: 2663/QĐ-HN cấp ngày 10 tháng 12 năm 2021

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế-ISBN: 978-604-339-780-2

In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2021.

